



BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT

CHƯƠNG TRÌNH CỘNG ĐỒNG RÚT NGẮN KHOẢNG CÁCH

1	LÝ DO THỰC HIỆN CỦA DỰ ÁN
1.1	Có phân tích rõ ràng cộng đồng mà dự án hướng đến (Họ là ai? Số lượng? Độ tuổi? Nơi sinh sống của họ?)
1.2	Cộng đồng dự án hướng đến phù hợp với nhiệm vụ của tổ chức
1.3	Đưa ra được những bằng chứng hợp lý trong quá trình tổ chức làm việc với cộng đồng (kết quả khảo sát, phỏng vấn, nghiên cứu, ...) để xác định đây là vấn đề/nhu cầu có thực của cộng đồng
1.4	Các nguyên nhân đưa ra là nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề và có thể giải quyết bằng việc thực hiện dự án.
1.5	Chứng minh được vấn đề sẽ gây ra một hay nhiều ảnh hưởng nhất định nếu không có một biện pháp can thiệp hợp lý.
2	TÍNH KHẢ THI CỦA DỰ ÁN
2.1	Ngày kết thúc và ngày bắt đầu đầy đủ và phù hợp với các hoạt động đề ra
2.2	Các hoạt động chính của dự án được mô tả rõ ràng và hợp lý về mặt thời gian
2.3	Các hoạt động chính của dự án có thể thực hiện được xét trong khuôn khổ cho phép về nguồn lực, giá trị văn hóa/đạo đức, pháp lý
2.4	Các hoạt động chính của dự án được chứng minh là hiệu quả qua các dự án tương tự trước đây
2.5	Kết quả mong đợi đặt ra giải quyết được vấn đề/nhu cầu của đối tượng hưởng lợi
2.6	Kết quả mong đợi được phân tích theo tiêu chí SMART <ul style="list-style-type: none"> • S-Specific: Cụ thể, rõ ràng và dễ hiểu; • M-Measurable: Đo đếm được; • A-Achievable: Có thể đạt được; • R-Realistic: Thực tế, không viển vông; • T-Time bound: Thời hạn để đạt được mục tiêu đã vạch ra.
3	TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN
3.1	Hoạt động dự kiến góp phần giải quyết/đáp ứng nhu cầu và mang lại lợi ích cho cộng đồng đích.



3.2	Có các chỉ số định lượng và/hoặc định tính rõ ràng cho mỗi loại hoạt động đề ra trong dự án theo tiêu chí SMART.
3.3	Có đưa ra cách thu thập số liệu cho mỗi chỉ số thành công trong dự án.
3.4	Các chỉ số này phù hợp để đánh giá hiệu quả của hoạt động đề ra.
4	NGUỒN LỰC VÀ HỢP TÁC CỦA DỰ ÁN
4.1	Ngân sách dự án được phân chia rõ ràng và hợp lý
4.2	Ngân sách dự án phù hợp với các hoạt động dự án
4.3	Dự án chứng minh sự hợp tác sâu rộng với các bên liên quan để huy động nguồn lực
4.4	Có sự đóng góp tài chính của cộng đồng hoặc từ nguồn khác
5	NĂNG LỰC NHÂN SỰ
5.1	Số lượng người trong tổ chức thực hiện dự án phù hợp với quy mô và hoạt động của dự án
5.2	Nhân sự có chuyên môn phù hợp với quy mô và hoạt động của dự án
5.3	Nhân sự có kinh nghiệm triển khai các hoạt động tương tự trước đây hoặc hiện tại
6	TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN
6.1	Dự án có sự tham gia của cộng đồng đích tại một hoặc nhiều giai đoạn: lên kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án. Mức độ tham gia càng cao càng cho thấy sau khi dự án rút đi cộng đồng vẫn có thể tiếp tục tự giải quyết vấn đề
6.2	Hoạt động dự kiến nâng cao năng lực cho cộng đồng đích để sau khi dự án rút đi cộng đồng vẫn có thể tiếp tục tự giải quyết vấn đề
6.3	Mô hình của dự án có thể nhân rộng sang các tổ chức/dự án/địa điểm khác
6.4	Dự án là tiền đề cho các hoạt động nối tiếp sau khi kết thúc nhằm tạo được tác động lớn hơn hay đạt được một mục tiêu phát triển hay sứ mệnh của tổ chức
6.5	Dự án có thể tiếp tục sau khi kết thúc tài trợ bằng cách chứng minh được nguồn tài chính được đảm bảo
6.6	Dự án có quản lý được rủi ro và biện pháp khắc phục
7	ĐIỂM THƯỞNG
Dự án hướng tới những vấn đề hoặc đối tượng đặc biệt, cách can thiệp độc đáo hoặc có tác động ở quy mô rộng hoặc lâu dài. (Các dự án được điểm thưởng đều được giải thích rõ lý do và chia sẻ công khai)	